

THƯ MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi: **Quý cơ quan, đơn vị.**

Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu - bên mời chào giá, có địa chỉ Tổ dân phố 4, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam có nhu cầu mua thép tấm, thép mỏng các loại phục vụ đóng mới 01 tàu hút 2700XL 3300m³ với số lượng như sau:

- + Thép tấm cấp A: 1.104,1140 kg
- + Thép tấm cấp AZ35: 8.2430 kg
- + Thép tấm cấp DZ35: 5.8880 kg
- + Thép tấm cấp E: 41.2840 kg
- + Thép tấm cấp AH-36: 4.4750 kg
- + Thép tấm cấp D: 45.7840 kg
- + Thép tấm cấp EZ: 11.7750 kg
- + Thép mỏng cấp A: 95.421 kg

(Chi tiết về khối lượng như danh mục kèm theo)

Các yêu cầu quy cách, tiêu chuẩn cụ thể khác đối với nhà cung cấp như tài liệu kèm theo Thư mời chào hàng này.

Đề nghị Quý Công ty nghiên cứu kỹ các yêu cầu kèm theo Thư mời chào hàng này và nộp Hồ sơ chào hàng theo đúng hướng dẫn.

Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu kính mời các tổ chức, doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia chào giá.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch (để b/c)
- Lưu P.VT.

✓ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

ĐÓNG TÀU NAM TRIỆU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Tuyên

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

(Kèm theo thư mời chào hàng cạnh tranh số 01.26.VT/ĐTNT ngày 20 tháng 05 năm 2026)

Các nhà cung cấp gửi tài liệu chứng minh năng lực bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Phải có ủy quyền nếu là văn phòng đại diện)
- Bản sao các Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

1. Đơn chào giá

Nhà cung cấp gửi Đơn chào giá do đại diện có thẩm quyền ký, đóng dấu gửi cho Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu chậm nhất ngày 30/05/2026. Có thể gửi bản sao trực tiếp, qua zalo, bản gốc gửi sau 03 ngày kể từ ngày gửi bản sao.

Địa chỉ nhận: Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu Tổ dân phố 4, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

ĐT: 0225.3775533

Fax: 02253.875135

2. Xuất xứ hàng hóa

Nhà cung cấp đảm bảo cung cấp Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa để chứng minh về xuất xứ.

3. Đăng kiểm: BV

4. Yêu cầu đối với hàng hóa

- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
- Hàng được giao đúng quy cách, tiêu chuẩn, kích thước, số lượng như trong bảng kê kèm theo.
- Hàng được giao có chất lượng tốt, không bị han rỉ, khuyết tật bề mặt hoặc bên trong, bảo quản tốt.
- Dung sai kích thước, khối lượng tuân thủ đúng quy phạm Đăng kiểm áp dụng.
- Hàng được giao kèm các chứng chỉ chất lượng của Đăng kiểm. Chứng chỉ như vậy phải được đăng kiểm viên ký và đóng dấu, ghi rõ số mẻ nấu/cán (heat number), mới nhất áp dụng.
- Trên mỗi tờ tôn phải được đánh dấu rõ bằng sơn không phai các nội dung: Số hợp đồng, kích thước, mác tôn, chất lượng, số mẻ nấu, số tấm và thương hiệu nhà máy cán tôn.
- Nhà máy cán tôn phải thuộc danh mục các nhà máy được Đăng kiểm BV phê duyệt.

5. Thời gian giao hàng

Tối đa 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (ưu tiên bản chào có thời gian giao hàng sớm hơn). Yêu cầu nhà cung cấp đưa ra các tài liệu chứng minh tiến độ giao hàng:

Cam kết của nhà sản xuất, tiến độ sản xuất.

Khuyến khích nhà cung cấp rút ngắn thời gian giao hàng.

6. Điều khoản giao hàng

CIF cảng Hải Phòng hoặc CIP Công ty đóng tàu Nam Triệu

7. Phương thức thanh toán

L/C không hủy ngang 100% giá trị Hợp đồng hoặc phát hành bảo lãnh thanh toán trước khi giao hàng.

8. Đồng tiền chào giá

Chào giá bằng USD hoặc VNĐ

9. Đơn giá

Đơn giá / tấn hoặc kg

10. Các điều kiện khác

- Mỗi nhà cung cấp chỉ được đứng tên trên một đơn chào giá với tư cách độc lập hoặc liên danh.
- Bên mời chào giá được quyền chấp nhận hoặc loại bỏ bất kỳ Hồ sơ chào giá nào, hủy bỏ chào giá vào bất kỳ thời điểm nào trước khi ký hợp đồng mà không phải thông báo về lý do.

✓ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
ĐÓNG TÀU NAM TRIỆU



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Huyền

BẢNG KÊ HÀNG HÓA

(Theo thư mời chào hàng cạnh tranh số 01.26.VT/ĐTNT ngày 15/5/2026)

STT	Tên – Quy cách hàng hóa	Số Lượng (tấm/cây)	Khối lượng (kg)	Ghi chú
1	Thép tấm 6x2500x12000 GR-A	12	16.956	
2	Thép tấm 6x3000x12000 GR-A	14	23.744	
3	Thép tấm 8x2500x12000 GR-A	96	180.864	
4	Thép tấm 8x3000x8000 GR-A	5	7.535	
5	Thép tấm 8x3000x12000 GR-A	5	11.305	
6	Thép tấm 9x2500x12000 GR-A	52	110.240	
7	Thép tấm 9x3000x8000 GR-A	6	10.176	
8	Thép tấm 10x2500x12000 GR-A	125	294.375	
9	Thép tấm 10x3000x8000 GR-A	2	3.768	
10	Thép tấm 10x3000x12000 GR-A	3	8.478	
11	Thép tấm 11x2500x12000 GR-A	4	10.364	
12	Thép tấm 12x2500x12000 GR-A	27	76.302	
13	Thép tấm 12x3000x8000 GR-A	1	2.261	
14	Thép tấm 13x2500x12000 GR-A	33	101.046	
15	Thép tấm 13x2500x12000 AH36	1	3.062	
16	Thép tấm 14x2500x12000 GR-A	12	39.564	
17	Thép tấm 14x3000x12000 GR-A	1	3.956	
18	Thép tấm 15x2500x12000 GR-A	32	113.056	
19	Thép tấm 15x2500x12000 GRAZ35	1	3.533	
20	Thép tấm 15x3000x12000 GR-A	2	8.478	
21	Thép tấm 16x2500x12000 GR-A	2	7.536	
22	Thép tấm 18x2000x12000 GR-A	11	37.301	
23	Thép tấm 20x2500x12000 GR-A	2	9.420	
24	Thép tấm 20x2500x12000 GRAZ35	1	4.710	
25	Thép tấm 21x2500x12000 GR-D	1	4.946	
26	Thép tấm 25x2500x12000 GR-D	3	17.664	
27	Thép tấm 25x2500x12000 GRDZ35	1	5.888	
28	Thép tấm 30x2500x12000 GR-D	1	7.065	
29	Thép tấm 40x2500x12000 GR-D	1	9.420	

30	Thép tấm 50x2500x12000 GR-EZ35	1	11.775	
31	Thép tấm 6x2000x12000 GR-A	1	1.130	
32	Thép tấm 10x2000x12000 GR-A	9	16.956	
33	Thép tấm 5x2500x6000 GR-A	1	0.589	
34	Thép tấm 6x2500x6000 GR-A	1	0.707	
35	Thép tấm 10x2000x12000 GR-A	2	4.710	
36	Thép tấm 20x1500x6000 AH-36	1	1.413	
37	Thép tấm 22x2500x6000 GR-D	1	2.591	
38	Thép tấm 28x1500x6000 GR-D	1	1.978	
39	Thép tấm 30x1500x6000 GR-D	1	2.120	
40	Thép tấm 35x1500x6000 GR-E	1	2.473	
41	Thép tấm 40x1500x6000 GR-E	1	2.826	
42	Thép tấm 45x1500x6000 GR-E	1	3.179	
43	Thép tấm 55x1500x6000 GR-E	1	3.886	
44	Thép tấm 6x2500x12000 GR-A	1	1.413	
45	Thép tấm 10x2000x12000 GR-A	1	1.884	
46	Thép tấm 120x2000x7700 GR-E	1	14.507	
47	Thép tấm 135x2000x6800 GR-E	1	14.413	
48	Thép mở HP 180x6x12000 A	1	0.059	
49	Thép mở HP 100x7x12000 A	5	0.410	
50	Thép mở HP 120x7x12000 A	103	10.197	
51	Thép mở HP 140x8x12000 A	230	29.900	
52	Thép mở HP 160x8x12000 A	83	12.699	
53	Thép mở HP 180x9x12000 A	45	8.775	
54	Thép mở HP 200x9x12000 A	72	16.056	
55	Thép mở HP 220x10x12000 A	55	15.015	
56	Thép mở HP 240x10x12000 A	2	0.612	
57	Thép mở HP 120x7x6000 A	5	0.250	
58	Thép mở HP 140x8x6000 A	1	0.065	
59	Thép mở HP 160x8x6000 A	1	0.076	
60	Thép mở HP 180x9x6000 A	5	0.485	
61	Thép mở HP 220x10x6000 A	6	0.822	